

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	TM	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. Tài sản ngắn hạn		4.714.556.566	15.296.200.809
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.317.624.092	10.931.015.001
111	1. Tiền		317.624.092	631.015.001
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	10.300.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		609.226.999	1.594.998.999
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	583.200.000	1.562.400.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	744.821.000	744.343.000
136	3. Các khoản phải thu khác	5	5.184.011.552	5.191.061.552
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(5.902.805.553)	(5.902.805.553)
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		2.787.705.475	2.770.186.809
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		16.919.064	14.541.561
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.770.786.411	2.755.645.248
200	B. Tài sản dài hạn		743.755.442.968	744.222.687.660
220	I. Tài sản cố định	7	1.794.845.752	2.180.056.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình		1.794.845.752	2.180.056.327
222	Nguyên giá		4.196.143.673	4.196.143.673
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.401.297.921)	(2.016.087.346)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	741.951.890.000	741.951.890.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		741.951.890.000	741.951.890.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		8.707.216	90.741.333
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		8.707.216	90.741.333
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		748.469.999.534	759.518.888.469



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
 ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. Nợ phải trả		314.220.784.828	321.301.654.058
310	I. Nợ ngắn hạn		27.173.391.162	28.024.260.392
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	36.448.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	350.674.463	301.146.409
314	3. Phải trả người lao động		194.920.573	260.144.500
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	10	2.555.967.126	3.139.205.483
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	24.071.829.000	24.287.316.000
330	II. Nợ dài hạn		287.047.393.666	293.277.393.666
337	Phải trả dài hạn khác	11	66.290.000.000	48.790.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	220.757.393.666	244.487.393.666
400	D. Vốn chủ sở hữu		434.249.214.706	438.217.234.411
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	434.249.214.706	438.217.234.411
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		905.000.000.000	905.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		905.000.000.000	905.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.455.000.000	24.455.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)		(495.205.785.294)	(491.237.765.589)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(491.237.765.589)	(508.810.298.764)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(3.968.019.705)	17.572.533.175
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		748.469.999.534	759.518.888.469



Phạm Thị Minh
 Người lập kiêm Kế toán trưởng




Vũ Hồng Quỳnh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 29 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Quý 3/2024	Quý 3/2023	Năm 2024	Năm 2023
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-	-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	12.471.088	33.355.908	15.918.966.425	10.212.696.967
22	7. Chi phí tài chính	15	(5.469.239.373)	(7.550.742.370)	(17.304.022.741)	(5.561.414.252)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(5.379.239.373)	(7.460.736.370)	(5.379.239.373)	(23.651.414.252)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(844.894.143)	(1.027.695.041)	(2.752.851.557)	(4.760.709.624)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.301.662.428)	(8.545.081.503)	(4.137.907.873)	(109.426.909)
31	11. Thu nhập khác		180.000.000	180.000.000	540.000.000	540.000.000
32	12. Chi phí khác		(129.363.944)	(160.373.944)	(370.111.832)	(406.959.882)
40	13. Lợi nhuận khác		50.636.056	19.626.056	169.888.168	133.040.118
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.251.026.372)	(8.525.455.447)	(3.968.019.705)	23.613.209
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.251.026.372)	(8.525.455.447)	(3.968.019.705)	23.613.209



Phạm Thị Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Hồng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30/9/2024	cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30/9/2023
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế Điều chỉnh cho các khoản:		(3.968.019.705)	23.613.209
02	Khấu hao tài sản cố định		385.210.575	385.210.575
03	Tăng/(giảm) các khoản dự phòng		-	(18.360.000.000)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.918.966.425)	(10.167.803.000)
06	Chi phí lãi vay		17.304.022.741	23.651.414.252
08	Lợi nhuận (lỗ) hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.197.752.814)	(4.467.564.964)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		970.630.837	(478.645.932)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		17.317.856.127	18.051.827.464
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		79.656.614	174.006.744
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.487.261.098)	(24.257.923.839)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		(1.316.870.334)	(10.978.300.527)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	18.360.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.918.966.425	14.707.803.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.918.966.425	33.067.803.000
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(24.215.487.000)	(24.215.514.288)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.215.487.000)	(24.215.514.288)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (50 = 20 + 30 + 40)		(9.613.390.909)	(2.126.011.815)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ/năm		10.931.015.001	3.712.485.703
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ/năm (70 = 50 + 60 + 61)		1.317.624.092	1.586.473.888

Phạm Thị Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Vũ Hồng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 10 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102051941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Vào ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, số cổ phiếu đang được lưu hành của Công ty là 90.500.000 cổ phiếu.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ chưa sử dụng hoặc đi thuê và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 5 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có 4 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4 công ty con), với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	51,00%	51,00%	Thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành.
2	Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương	99,51%	99,51%	Tầng 6, tòa nhà Tasco, lô HH 2-2, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
3	Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	62,10%	62,41%	Đường 706B, đồi cát bay, KP5, Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.	Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành.
4	Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An	56,47%	56,75%	Khu biệt thự Ana Mandara Dalat, số 10 đường Lê Lai, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8.1. Công ty đã lập và công bố báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất").

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	7 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của phần vốn góp, cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư vào các công ty có hoạt động kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Đồng thời, hoạt động đầu tư của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	126.858.538	147.845.938
Tiền gửi ngân hàng	190.765.554	483.169.063
Tương đương tiền (*)	1.000.000.000	10.300.000.000
	1.317.624.092	10.931.015.001

(*) Các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại kỳ hạn dưới 3 tháng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Cổ phần giải pháp ADD	583.200.000	1.562.400.000
	583.200.000	1.562.400.000
Trả trước cho người bán		
Khác	744.343.000	744.343.000
	744.343.000	744.343.000
Các khoản phải thu khác		
Phải thu về chi phí thanh toán hộ	5.158.462.551	5.165.512.551
Phải thu khác	25.549.001	25.549.001
	5.184.011.552	5.191.061.552

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế BIM Sài Gòn	744.343.000	-	744.343.000	-
Công ty TNHH Cầu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	2.468.734.718	-	2.468.734.718	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thạch Hưng	2.689.727.835	-	2.689.727.835	-
Tổng cộng	5.902.805.553	-	5.902.805.553	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	3.534.109.091	662.034.582	4.196.143.673
Số cuối kỳ	3.534.109.091	662.034.582	4.196.143.673
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	437.206.400	437.206.400
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu kỳ	(1.453.741.039)	(562.346.307)	(2.016.087.346)
- Khấu hao trong kỳ	(362.121.832)	(24.088.743)	(385.210.575)
Số cuối kỳ	(1.814.862.871)	(586.435.050)	(2.401.297.921)
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	2.080.368.052	99.688.275	2.180.056.327
Số cuối kỳ	1.719.246.220	75.599.532	1.794.845.752

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đầu tư vào công ty con <i>(Thuyết minh số 8.1)</i>	741.951.890.000	741.951.890.000
Tổng cộng	741.951.890.000	741.951.890.000

Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chính tháng kết thúc cùng ngày

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)
 8.1 Đầu tư vào công ty con

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương	43.750.000	99,51%	437.500.000.000	43.750.000	99,51%	437.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	4.590.000	51%	304.451.890.000	4.590.000	51%	304.451.890.000
Tổng cộng			741.951.890.000			741.951.890.000

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Thuế thu nhập cá nhân	350.674.463	301.146.409

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lãi vay phải trả	2.555.967.126	3.009.205.483
Chi phí phải trả ngắn hạn khác		130.000.000

Đơn vị tính: VND

Tổng cộng

2.555.967.126

3.139.205.483

11. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả dài hạn khác	66.290.000.000	48.790.000.000

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

12. VAY

Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số dư	Số có khả năng trả nợ	Số dư	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	12.1	71.829.000	287.316.000	287.316.000
Trái phiếu phát hành (ii)	12.2	24.000.000.000	(24.000.000.000)	24.000.000.000
		24.071.829.000	(24.215.487.000)	24.287.316.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	12.1	454.927.000	454.927.000	454.927.000
Vay các cá nhân khác		54.700.000.000	-	54.700.000.000
Trái phiếu phát hành (ii)	12.2	165.602.466.666	270.000.000	189.332.466.666
		220.757.393.666	(24.000.000.000)	244.487.393.666
Tổng cộng		244.829.222.666	(48.215.487.000)	268.774.709.666

12.1 Các khoản vay ngân hàng

Ngân hàng	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2021, đáo hạn ngày 18 tháng 7 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	9,5% cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh 12 tháng/lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh.	Thế chấp bằng tài sản là xe ô tô Volvo theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số BAA/21/05/336 ký ngày 18 tháng 5 năm 2021 với Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	526.756.000		
TỔNG CỘNG	526.756.000		
Trong đó:			
- Vay dài hạn đến hạn trả	71.829.000		
- Vay dài hạn	454.927.000		

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

12. VAY (tiếp theo)

12.2 Trái phiếu phát hành

Chi tiết các khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá trình bày như sau:

Trái chủ	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	192.000.000.000	Trái phiếu đáo hạn vào ngày 18 tháng 5 năm 2031. Tiền gốc được thanh toán theo lộ trình hàng năm cho tới khi đáo hạn. Lãi trái phiếu được thanh toán theo từng quý kể từ ngày phát hành trái phiếu	9,5% cho 4 kì đầu tiên và lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ hạn trên 12 tháng + biên độ 3,5%/năm cho các kì tiếp theo	Trái phiếu được đảm bảo bởi toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại 2 công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương và Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.397.533.334)			
TỔNG CỘNG	189.602.466.666			

Trong đó:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 1 tháng 1 năm 2023	905.000.000.000	24.455.000.000	(508.810.298.764)	420.644.701.236
Lãi /Lỗ thuần trong năm	-	-	17.572.533.175	17.572.533.175
Số dư tại 31 tháng 12 năm 2023	905.000.000.000	24.455.000.000	(491.237.765.589)	438.217.234.411
Số dư tại 1 tháng 1 năm 2024	905.000.000.000	24.455.000.000	(491.237.765.589)	438.217.234.411
Lãi /Lỗ thuần trong năm			(3.968.019.705)	(3.968.019.705)
Số dư tại 30 tháng 9 năm 2024	905.000.000.000	24.455.000.000	(495.205.785.294)	434.249.214.706

13.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của cổ đông	905.000.000.000	905.000.000.000	-	905.000.000.000	905.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	24.455.000.000	24.455.000.000	-	24.455.000.000	24.455.000.000	-
	929.455.000.000	929.455.000.000	-	929.455.000.000	929.455.000.000	-

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	905.000.000.000	905.000.000.000
Số cuối kỳ	905.000.000.000	905.000.000.000

13.4 Cổ phiếu

Số lượng (cổ phiếu)

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu đăng ký phát hành	90.500.000	90.500.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng và được góp vốn đầy đủ	90.500.000	90.500.000
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	90.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	90.500.000	90.500.000
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	90.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30/9/2024	cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30/9/2023
Lãi tiền gửi	12.471.088	33.355.908
Thu nhập từ cổ tức được chia		
Tổng cộng	12.471.088	33.355.908

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30/9/2024	cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30/9/2023
Chi phí lãi vay	5.379.239.373	7.460.742.370
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản đầu tư		
Chi phí phát hành trái phiếu	90.000.000	90.000.000
Tổng cộng	5.469.239.373	7.550.742.370

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30/9/2024	cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30/9/2023
Chi phí nhân viên	611.750.828	914.350.082
Chi phí khấu hao	19.356.425	55.514.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.786.890	57.830.803
Tổng cộng	844.894.143	1.027.695.041

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 30 tháng 9 năm 2023
Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Công ty con	Cổ tức được chia năm nay	10.200.000.000	10.200.000.000
		Cổ tức được nhận năm nay	10.200.000.000	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An	Công ty con	Hoàn tiền tạm ứng	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương	Công ty con	Cổ tức nhận được năm trước	-	4.507.803.000
		Cổ tức được chia năm nay	5.642.217.000	-
		Cổ tức nhận được năm nay	5.642.217.000	-

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, số dư với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An	Công ty con	Mua dịch vụ	-	-



Phạm Thị Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Hồng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 10 năm 2024